

THIỆT CHẾ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN NÚI TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG QUẢN LÝ NÔNG THÔN HIỆN NAY

TRẦN THỊ MAI AN

Trải theo chiều dài của dãy Trường Sơn, lại ở giữa khu vực Tây Nguyên và đồng bằng duyên hải, miền núi tỉnh Bình Định là nơi cư trú chủ yếu của các dân tộc Chăm, Ba-na, H'rê. Những tộc người này sống tập trung tại 3 huyện An Lão, Vân Canh và Vĩnh Thạnh. Theo thống kê của Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Bình Định, diện tích ba huyện kể trên là 230.531 ha; còn tổng diện tích tự nhiên các huyện và xã vùng đồng bào các dân tộc cư trú là 265.749 ha, chiếm 43,7% diện tích tự nhiên của tỉnh. Dân số của các dân tộc thiểu số ở huyện Vân Canh là 7.273 người, còn ở Vĩnh Thạnh - 7.370 người, và An Lão - 7.209 người.

Mặc dù có sự khác biệt về nhiều phương diện, nhưng do cùng sống chung trong một vùng địa lý, cùng có những mối quan hệ lâu dài trong lịch sử nên ở ba dân tộc Chăm, Ba-na, H'rê đã ít nhiều hình thành những nét văn hoá chung, biểu hiện trên nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa...

Thiết chế xã hội bao gồm những phương thức sống của con người, những mối quan hệ tương hỗ giữa người với người được hình thành trong quá trình sản xuất, sinh hoạt hay đấu tranh... thuộc những thời kỳ lịch sử nhất định. Nằm trong phạm trù kiến trúc thượng tầng, thiết chế xã hội của mỗi tộc người chịu sự chi phối của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, của cơ sở hạ tầng, của quy luật lịch sử. Thuộc về phạm trù thiết chế xã hội là cơ cấu tổ chức làng bản, các quan hệ, tầng lớp, giai cấp được biểu hiện trong các hình thức sở hữu đất đai, phân công lao động, phân phối sản phẩm, các quan hệ ứng xử giữa các

thành viên. Bài viết này chỉ bước đầu tìm hiểu thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền núi tỉnh Bình Định và vai trò của nó trong quản lý nông thôn hiện nay.

1. Làng là một đơn vị trong xã hội cổ truyền của các dân tộc Chăm, Ba-na, H'rê ở Bình Định. Từ lâu những đơn vị đó đã chuyển từ quan hệ huyết thống, dòng tộc sang quan hệ láng giềng, ...

Làng của các tộc người Chăm, Ba-na, H'rê là cộng đồng của những người có quan hệ huyết thống hay khác huyết thống cùng sinh sống, làm ăn trong một phạm vi đất đai nhất định. Trước đây mối quan hệ trong làng là quan hệ huyết thống bởi mỗi làng đó chỉ bao gồm những người cùng dòng máu. Họ vừa là thành viên của buôn làng vừa là thành viên của dòng tộc. Nhưng trải qua nhiều biến động lịch sử, địa vực cư trú của các tộc người Chăm, Ba-na, H'rê bị xáo trộn. Mỗi đơn vị tự cư lúc này là nơi sinh sống tự nguyện của những con người, những gia đình không nhất thiết phải có quan hệ ruột thịt. Khi ấy, ít nhất mỗi làng có từ hai dòng họ trở lên cùng sinh sống. Như thế trong mỗi làng người Chăm, Ba-na, H'rê, bên cạnh quan hệ huyết thống, đã xuất hiện quan hệ láng giềng. Càng về sau, số lượng dòng họ trong một làng càng tăng lên, và số lượng ấy sẽ quyết định mức độ to nhỏ của làng. Những làng lớn thường có từ 5 - 7 dòng họ trở lên, còn làng nhỏ thường chỉ có 2 - 3 dòng họ với tổng số vài chục nhân khẩu. Có thể nêu ví dụ về dòng họ tại hai làng sau đây ở huyện Vân Canh:

Làng / Dân tộc	Dòng họ	Ghi chú
Canh Tân (Chăm)	Nguyễn, Trần, Đinh, Phạm, Mang, Đoàn	Đa số nam giới Chăm kết hôn với phụ nữ Kinh và con cái lấy họ theo họ mẹ
Hà Văn (Ba-na)	Đinh, Nguyễn, Trần	Ảnh hưởng cách đặt tên họ của người Kinh

2. Trong làng của các tộc người Chăm, Ba-na, Hrê, vai trò của chủ làng rất quan trọng. Đó là người có nhiều uy tín, có đạo đức, am hiểu phong tục tập quán, cung cách làm ăn..., được các thành viên trong làng nể trọng. Trên danh nghĩa, chủ làng bao giờ cũng bình đẳng, có quyền lợi, nghĩa vụ giống như dân làng. Song thực tế ở các tộc người Chăm, Ba-na, Hrê, luôn có khoảng cách giữa người đứng đầu làng với các thành viên trong cộng đồng buôn làng. Tuy chủ làng không đòi hỏi quyền lợi về kinh tế nhưng dân làng vẫn luôn dành cho ông sự ưu ái nào đó, như được nhận phần thịt ngon (lúc săn bắn được muông thú hay tổ chức lễ hội), được nâng cần rượu đầu tiên trong dịp hội lễ... Ông luôn là người điều khiển các hoạt động, giải quyết vấn đề xích mích giữa các thành viên hoặc các trường hợp vi phạm đến phong tục, luật lệ của buôn làng. Ông cũng là người đại diện cao nhất coi sóc ranh giới đất đai của làng. Thông thường chủ làng được dân làng bầu ra và không có kỳ hạn. Khi nào người đại diện ấy già yếu hay không đủ năng lực để chăm lo việc chung thì dân làng bầu người khác; ít thấy trường hợp bãi miễn nửa chừng.

Cùng tham gia vào hệ thống tự quản của làng còn có hội đồng già làng, thủ lĩnh quân sự hoặc thầy cúng, thầy mo. Có thể coi đây là những tổ chức, cá nhân đặc biệt, có chức năng bảo vệ tập quán cổ truyền trong điều hành, quản lý buôn làng của các tộc người này.

Hội đồng già làng là một tập hợp các bô lão cao tuổi được dân làng tín nhiệm. Nhờ vào kinh nghiệm sống nên họ có những hiểu biết về phong tục tập quán, về nghi lễ và tri thức sản xuất rất sâu sắc. Đây là tổ chức không giống bất kỳ một hội đồng nào khác mà chúng ta đã biết. Gọi là "hội đồng", nhưng thực ra đó không phải là tổ chức thuần túy, không có những điều lệ cụ thể. Các vị bô lão bao gồm một nhóm đông người hoặc chỉ vài ba cụ, thường tề tựu khi rảnh rỗi để trao đổi những việc cần được xem xét và giải quyết trong cộng đồng.

Thủ lĩnh quân sự là người nắm quyền quyết định tối cao về nhiệm vụ quân sự. Trước đây, do xã hội của các tộc người ở miền núi Bình Định thường xảy ra nạn cướp, tranh chấp đất đai, đánh nhau giữa các làng... nên mỗi làng thường cử một người có khả năng quân sự để tổ chức chiến đấu cho dân làng. Người Ba-na gọi thủ lĩnh quân sự là *chop gol*. Đó là người mưu trí, dũng cảm, có tài chỉ huy trong chiến đấu, biết đánh nỏ, đặt bẫy. Dân làng thường chọn vị thủ lĩnh này qua các cuộc thi tài, đọ sức giữa các dân binh thiện chiến của làng. Thủ lĩnh quân sự là người xông pha đầu tiên, người đề ra mọi kế hoạch, cung cách đánh lại kẻ thù. Khi hoà bình, ông ta có nhiệm vụ đôn đốc và cùng các chiến binh tham gia bảo vệ buôn làng, như giữ gìn trật tự an ninh, sửa sang tu bổ hàng rào của làng...

Nếu như trong xã hội Chăm, Ba-na, già làng và chủ làng thường là người đứng ra xử các vụ kiện, giải quyết mọi việc từ nhỏ đến

lớn thì ở xã hội Hrê có một người được dân làng tôn lên làm người xử kiện riêng, được gọi là *mangai h'giá*. Ông ta có nhiệm vụ hoà giải các xích mích trong nội bộ làng hay giữa các làng với nhau. Ông thường thay mặt chủ làng đứng ra phân xử những trường hợp vi phạm luật tục của làng. *Mangai h'giá* là người hoạt bát, khôn khéo, lắm lý lẽ, có khả năng ứng xử nhanh... Trong khi xử kiện, ông thường biết tranh thủ ý kiến của những người già hay của các thành viên buôn làng. Nhờ thế, ông góp phần không nhỏ vào việc giữ gìn đoàn kết, sự thông cảm giữa các thành viên cũng như giữa các buôn làng với nhau.

Ngoài ra trong xã hội Chăm, Hrê còn tồn tại một lớp người có khá nhiều uy tín như thầy cúng, thầy mo (người Hrê gọi là *pogiau tareo*, *pơ giâu treo*...). Họ giúp việc tế lễ nhân các dịp tổ chức cầu cúng tập thể. Họ có vai trò tích cực trong các nghi lễ lớn của gia đình. Họ được coi là người có nhiều phép thuật, có thể liên hệ được với thần linh thông qua các nghi lễ, dùng biện pháp bói toán có tính ma thuật để đoán bệnh, dùng hình thức cúng quả kết hợp với thuốc dân gian để trị bệnh. Trong Hội đồng già làng, tiếng nói của họ thường được coi trọng, được dân làng vị nể và sợ hãi.

3. Trong đời sống của đồng bào các dân tộc ở miền núi Bình Định hiện nay, về cơ bản, các thiết chế xã hội cũ như chủ làng, người xử kiện, hội đồng già làng, thầy cúng, thầy mo... vẫn còn tồn tại. Điều đó có nghĩa bộ máy tự quản của họ vẫn có vai trò nhất định. Bên cạnh bộ máy hành chính và các tổ chức đoàn thể, bộ máy tự quản của dân làng vẫn tỏ ra hữu hiệu, bởi sự thống nhất cộng đồng trong việc tuân thủ các phong tục, tập quán truyền thống, bởi uy tín của chủ làng cùng các cộng sự của ông ta. Vì thế, sự kết hợp vai trò của bộ máy tự quản buôn làng

với điều hành của chính quyền địa phương trong xây dựng cuộc sống mới ở vùng đồng bào các dân tộc là vấn đề đang đặt ra.

Từ trước tới nay, cơ sở của bộ máy tự quản ở các buôn làng người dân tộc thiểu số là *luật tục* (hay *tập quán pháp*). Luật tục của người Chăm, Ba-na, Hrê là bất thành văn, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác trong trí nhớ của mỗi người dân. Nội dung luật tục đề cập đến những quy ước, quy tắc xã hội, chỉ dẫn cách đối nhân xử thế, xác định hành vi tội phạm theo truyền thống của cộng đồng: từ chế độ sở hữu đất đai cho đến sở hữu của cải nói chung, từ các quan hệ cá nhân giữa người với người cho đến vị thế và trách nhiệm của người đứng đầu cộng đồng, từ thể chế hôn nhân đến quan hệ gia đình... Luật tục có tác dụng quy chuẩn khuôn mẫu ứng xử và lễ thói chung trong cuộc sống, ràng buộc mọi thành viên của cộng đồng vào nề nếp nhất định. Chính nhờ luật tục mà các mối quan hệ cộng đồng trong xã hội Chăm, Ba-na, Hrê từng bước được ổn định; sự dân chủ, bình đẳng, tôn trọng nhau trở thành chuẩn mực xã hội. Điều đó đã góp phần làm cho xã hội ổn định, thậm chí củng cố cho cả hệ thống tổ chức quan phương.

Có nhiều ví dụ thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bộ máy tự quản buôn làng và chính quyền địa phương. Xin nêu trường hợp về chức danh già làng và chủ làng. Trước năm 1975, trong mỗi buôn làng Chăm, Ba-na, Hrê, người được bầu làm chủ làng thường là trong số các già làng, bởi già làng là người am hiểu sâu sắc phong tục tập quán, kinh nghiệm sản xuất. Sự kính phục của dân làng đối với ông tăng dần theo tuổi tác của ông. Mọi việc trong làng từ nhỏ đến lớn đều do ông giải quyết. Dân làng hiếm khi được quyền bãi miễn người chủ làng trừ phi ông ta không đủ tài năng và đạo đức.

Nhưng ngày nay, hiện tượng trưởng làng là già làng ngày một ít đi. Sự biến đổi ấy thể hiện ngay trong quan niệm của các thành viên buôn làng, bởi họ cho rằng: già làng chỉ là người cao tuổi nhất trong làng, am hiểu về phong tục tập quán, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất; còn trưởng làng mới là người có tiếng nói giá trị nhất trong cộng đồng làng. Dân làng được quyền bầu vị trưởng làng của mình theo những tiêu chuẩn mà họ đặt ra như làm ăn giỏi, mạnh khoẻ, nhanh nhẹn, sống hoà thuận với gia đình, buôn làng... Trong một vài việc nhất định, già làng cũng phải nghe theo lời của trưởng làng. Quan niệm ấy của thành viên trong làng đã tác động đến các già làng. Vì thế ở miền núi Bình Định, có những nơi chính quyền xã và dân làng mời già làng làm trưởng làng, nhưng già làng không dám nhận vì không đủ tự tin. Trước việc sử dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật như điện, tivi, phương tiện đi lại, giống cây trồng mới..., trước sự tiến bộ của giáo dục, y tế... đã khiến các già làng - người chuyên sống bằng kinh nghiệm cảm thấy hoang mang, không bắt kịp đời sống hiện đại. Mặt khác, hầu như gần 100% già làng ở miền núi Bình Định là người không biết chữ quốc ngữ nên lại không thể tiếp xúc được với công văn, giấy tờ và vì thế, cũng không lãnh đạo được dân làng. Bởi vậy, họ chỉ bằng lòng nắm vai trò là người cao tuổi trong làng, người am hiểu nhất về phong tục tập quán và kinh nghiệm sản xuất truyền thống của dân tộc mình. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là vai trò của các già làng bị giảm sút nghiêm trọng. Sự trọng lão trong cộng đồng vẫn thể hiện ở chỗ, trưởng làng khi muốn quyết định một việc gì quan trọng, liên quan đến phong tục tập quán dân tộc đều phải hỏi ý kiến các già làng, nhất là các việc như quan hệ nam nữ bất chính, hôn

nhân không chính đáng... Trong những buổi họp bàn liên quan đến luật pháp, xây dựng cuộc sống mới, chủ làng thường cùng chi bộ, các tổ chức quần chúng trong làng tổ chức. Già làng còn có trách nhiệm khuyên bảo dân làng giữ gìn lễ nghi của dân tộc mình. Trong lễ cúng ở *nhà rông* hay trong đám cưới, già làng thường làm chủ lễ. Đây là sự kết hợp khá khéo léo giữa vai trò của bộ máy tự quản và của chính quyền địa phương.

Qua những trình bày trên đây cho thấy, thiết chế xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền núi tỉnh Bình Định đã từng tồn tại lâu dài trong lịch sử và đến nay vẫn có vị trí nhất định trong đời sống xã hội. Việc tiếp thu mặt tích cực của yếu tố này là điều cần thiết trong quản lý buôn làng hiện nay, nhất là trong việc đảm bảo trật tự xã hội, bảo vệ, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như giữ gìn thuần phong mỹ tục của mỗi dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh Bình Định. *Văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Định*, Nxb. Thuận Hoá, 2000.
2. Phan Xuân Biên. *Tổ chức làng cổ truyền của các dân tộc ở Tây Nguyên*, Tc. Dân tộc học, Số 3 - 1985.
3. Lưu Hùng. *Máy ghi nhận qua việc tìm hiểu làng của dân tộc Hrê*, Suu tập Dân tộc học, 1979.
4. Lưu Hùng. *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nxb. Văn hoá dân tộc, H, 1994.
5. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 1984.
6. Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian. *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000.